

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng thành phố Đà Nẵng
thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 18/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 3450/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND thành phố về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 17/2/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt điều chỉnh Quyết định số 3450/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng Phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2.764. /TTr-SXD ngày 24. /4. /2024 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050 với những nội dung sau đây:



1. Quan điểm

a) Phát triển vật liệu xây dựng thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050 phải phù hợp với Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050;

b) Phát triển vật liệu xây dựng phải đảm bảo tính bền vững, gắn hiệu quả kinh tế với hiệu quả xã hội, bảo vệ tốt nguồn tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái; không ảnh hưởng tới khu vực an ninh, quốc phòng, di tích lịch sử, văn hóa, du lịch, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên; không tác động tiêu cực tới môi trường, đời sống sinh hoạt của dân cư và không chồng chéo với các kế hoạch, quy hoạch khác;

c) Phát triển các sản phẩm sử dụng hiệu quả tài nguyên, triệt để tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu, nhiên liệu; khuyến khích phát triển công nghệ sạch, công nghệ sử dụng phế thải, phế liệu của các ngành khác làm vật liệu xây dựng để giảm ô nhiễm môi trường;

d) Ưu tiên đầu tư nghiên cứu sử dụng các loại phế thải, chất thải làm nguyên liệu, nhiên liệu sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu san lấp; nghiên cứu nhằm tạo ra các loại vật liệu nhân tạo thay thế dần các vật liệu khai thác từ tự nhiên, tài nguyên khoáng sản để đảm bảo việc phát triển bền vững; nghiên cứu tạo ra các loại vật liệu xây dựng mới có tính năng cao phù hợp với điều kiện khí hậu thành phố và thân thiện với môi trường;

đ) Đa dạng hóa hình thức đầu tư, thu hút mọi nguồn lực vào phát triển vật liệu xây dựng; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng;

e) Phát triển đa dạng chủng loại và mẫu mã sản phẩm; chú trọng phát triển các sản phẩm có tính năng mới, có giá trị kinh tế cao, bền trong môi trường biển và các loại sản phẩm, cấu kiện phục vụ thi công xây dựng nhanh, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu tổng quát

- Tập trung đầu tư và phát triển các sản phẩm vật liệu xây dựng có thể mạnh của thành phố. Nghiên cứu phát triển đa dạng các chủng loại sản phẩm vật liệu xây dựng, các sản phẩm có hiệu quả kinh tế cao. Đưa công nghệ tiên tiến hiện đại vào sản xuất vật liệu xây dựng để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu của thành phố, trong khu vực và xuất khẩu, góp phần vào tăng trưởng kinh tế, nâng cao vị thế của ngành sản xuất vật liệu xây dựng trong nền kinh tế.

- Phát triển vật liệu xây dựng đảm bảo nguồn cung vật liệu cho xây dựng cho công trình hạ tầng kỹ thuật, phát triển kinh tế trên địa bàn thành phố, khu vực đồng thời kiểm soát chặt chẽ hoạt động xuất khẩu vật liệu xây dựng.

- Phân bố đồng đều mạng lưới cơ sở tập kết, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố, phù hợp với quy hoạch bến thủy nội địa đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

- Khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng đảm bảo cân đối cung - cầu trên cơ sở nguồn khoáng sản của thành phố; cân đối sử dụng để đảm bảo dự trữ tài nguyên khoáng sản phục vụ nhu cầu phát triển ngành vật liệu xây dựng trước mắt và lâu dài.

- Loại bỏ hoàn toàn công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng lạc hậu, tiêu tốn nhiều tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường.

- Định hướng đến năm 2050 ngành sản xuất vật liệu xây dựng của thành phố được tự động hóa hoàn toàn trong quá trình sản xuất; tận dụng tối đa phế thải, rác thải làm nguyên liệu, nhiên liệu trong sản xuất và trở thành ngành công nghiệp xanh, bền vững.

b) Mục tiêu cụ thể

Xuất phát từ tiềm năng khoáng sản làm vật liệu xây dựng, tập quán sử dụng vật liệu xây dựng của Nhân dân và nhu cầu thị trường trong và ngoài thành phố Đà Nẵng, Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050 đối với một số chủng loại vật liệu xây dựng được thể hiện tại các Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Giải pháp thực hiện

1. Tuyên truyền, phổ biến và xây dựng cơ chế, chính sách

a) Phổ biến rộng rãi Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng của thành phố cho các ngành, các cấp chính quyền, các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh biết, hiểu rõ nội dung Chiến lược và thực hiện;

b) Phân cấp rõ ràng để tăng cường hiệu lực quản lý hoạt động sản xuất, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng;

c) Xây dựng cơ chế chính sách, sửa đổi các văn bản pháp luật, khuyến khích nâng cấp chuyển đổi công nghệ mới để tăng năng suất, chất lượng; sử dụng tiết kiệm tài nguyên, năng lượng; nâng cao tỷ lệ sử dụng nguyên liệu phi truyền thống; giảm lượng phát thải để bảo vệ môi trường. Có lộ trình hạn chế, tiến tới dừng hoạt động các cơ sở sản xuất công nghệ lạc hậu, kém hiệu quả kinh tế, gây ô nhiễm môi trường;

d) Tăng cường giám sát để chấm dứt các hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng không phép, trái phép và sử dụng các công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường;

đ) Tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực vật liệu xây dựng, chính sách ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư sản xuất và sử dụng vật liệu xây dựng xanh, thân thiện môi trường;

e) Kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện các cam kết bảo vệ môi trường, việc thực hiện kiểm soát các chỉ tiêu môi trường, kịp thời xử lý các doanh nghiệp vi phạm để phát triển ngành sản xuất vật liệu xây dựng an toàn và bền vững;

g) Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng lực cạnh tranh; quan tâm đào tạo và phát triển lao động có kỹ thuật cao;

h) Có chính sách khuyến khích, ưu đãi các nhà đầu tư vào phát triển vật liệu xây dựng, đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất. Đặc biệt ưu tiên cho các sản phẩm có hàm lượng khoa học kỹ thuật cao, các sản phẩm mới có giá trị kinh tế cao.

2. Khai thác tài nguyên khoáng sản hiệu quả, tiết kiệm

a) Tổ chức thực hiện phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng khoáng sản giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2050 đã được phê duyệt;

b) Nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên khoáng sản; sử dụng tiết kiệm nguyên liệu trong sản xuất vật liệu xây dựng; hoàn nguyên môi trường các khu mỏ khoáng sản khi kết thúc khai thác theo quy định hiện hành;

c) Sử dụng phế thải phá dỡ công trình xây dựng, phế thải giao thông, bùn thải nạo vét (nạo vét lòng sông, cửa biển, cảng biển, cảng thủy nội địa ...) làm nguyên liệu thay thế cho một số nguyên liệu truyền thống trong sản xuất vật liệu xây dựng tạo thành nguồn cung cấp nguyên liệu ổn định, bền vững cho phát triển sản xuất vật liệu xây dựng của thành phố.

3. Khoa học, công nghệ

a) Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ khai thác mỏ tiên tiến, an toàn, hiệu quả, giảm thiểu các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường; tổ chức thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng có tính đến biến đổi khí hậu;

b) Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, công nghệ mới, sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu thay thế nâng cao năng suất chất lượng giảm giá thành sản phẩm, phù hợp với công nghệ thi công xây dựng hiện đại, để giảm giá thành công trình xây dựng;

c) Khuyến khích doanh nghiệp tham gia hội nghị, hội thảo khoa học công nghệ trong nước và quốc tế, hợp tác nghiên cứu khoa học; tham gia các tổ chức về tiêu chuẩn, các hiệp hội để trao đổi, ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất các loại vật liệu xây dựng mới;

d) Liên kết với các Viện nghiên cứu, các trung tâm tư vấn đầu tư phát triển vật liệu xây dựng trong nước và nước ngoài, nghiên cứu ứng dụng các loại công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng mới;

đ) Tiếp tục đẩy mạnh triển khai chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, chính sách hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, chính sách hỗ trợ đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với các đối tượng liên quan đến lĩnh vực phát triển vật liệu xây dựng.

4. Thị trường

Thành phố Đà Nẵng có lợi thế giao thông đường biển, đường thủy, đường bộ, đường sắt, đường hàng không. Giao thương hàng hoá của thành phố với các tỉnh, thành khác trong nước và quốc tế khá thuận lợi. Theo đó, việc vận chuyển, xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố sẽ tạo ra thị trường có tiềm năng. Các giải pháp về thị trường được đề xuất như sau:

a) Tăng cường quảng bá sản phẩm vật liệu xây dựng của thành phố nhằm thúc đẩy thị trường tiêu thụ nội địa; đẩy mạnh xây dựng thương hiệu quốc gia cho các sản phẩm vật liệu xây dựng chủ lực của thành phố có lợi thế cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế;

b) Nâng cao chất lượng và đa dạng hóa mẫu mã, chủng loại sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường của thành phố, trong nước và xuất khẩu;

c) Tăng cường xuất khẩu các chủng loại sản phẩm vật liệu xây dựng có giá trị kinh tế cao, sử dụng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, nhiên liệu, năng lượng.

5. Nguồn lực lao động

Ngành công nghiệp vật liệu xây dựng thành phố Đà Nẵng phát triển theo hướng sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại. Do đó, đòi hỏi phải có đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, công nhân có tay nghề, trình độ chuyên môn, ngoại ngữ cao, để làm chủ công nghệ. Như vậy, công tác đào tạo nguồn nhân lực có vai trò quan trọng trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành, trong đó tập trung vào các lĩnh vực chủ đạo:

a) Đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật, ngoại ngữ, quản lý kinh tế, marketing, pháp luật, hội nhập quốc tế, xuất nhập khẩu cho đội ngũ quản lý và chủ doanh nghiệp, để nắm bắt thời cơ, chủ động cạnh tranh và hội nhập thị trường trong nước và quốc tế;

b) Đa dạng hoá hình thức hợp tác đào tạo theo hướng gắn kết giữa các trường đại học, cao đẳng với các doanh nghiệp để đào tạo lý thuyết và thực hành tại nhà máy sản xuất, tiếp cận tiên bộ khoa học công nghệ ngay từ khi đào tạo;

c) Song song với việc đào tạo, sử dụng lao động, các doanh nghiệp cần có các chính sách tiền lương, đãi ngộ tốt với người lao động, để thu hút, tuyển dụng các nhân sự chất lượng cao về làm việc tại địa phương. Phân công công tác, sắp xếp lao động phù hợp với trình độ chuyên môn, tạo điều kiện để người lao động phát huy năng lực và gắn bó lâu dài với công việc.

6. Nguồn vốn đầu tư cho phát triển sản xuất vật liệu xây dựng

a) Các dự án đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng nói chung ít thuộc phạm vi điều chỉnh của nguồn vốn ngân sách, vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước. Nguồn vốn đầu tư trong lĩnh vực vật liệu xây dựng chủ yếu là nguồn huy động trong và ngoài thành phố của mọi thành phần kinh tế cũng như kêu gọi nguồn vốn đầu tư nước ngoài;

b) Đối với huy động vốn đầu tư nước ngoài: để thu hút các nguồn vốn đầu tư nước ngoài cần xúc tiến đầu tư, chuẩn bị danh mục các dự án kêu gọi đầu tư, hướng dẫn cụ thể về thủ tục đầu tư, địa điểm, hạ tầng cơ sở, khả năng cung ứng nguyên, nhiên liệu, tiện ích giao thông, chính sách ưu đãi đầu tư và kèm theo yêu cầu chuyển giao công nghệ mới, sản phẩm vật liệu xây dựng mới;

c) Đối với huy động vốn đầu tư trong nước: đầu tư trong nước vào ngành vật liệu xây dựng của thành phố cần định hướng đầu tư xây dựng trong các khu công nghiệp và sản xuất các chủng loại vật liệu xây dựng có giá trị kinh tế cao như: vật liệu lọc thông minh, tấm ốp nhôm, ván sàn, cửa nhựa, vật liệu composite, vật liệu trang trí hoàn thiện ...

7. Bảo vệ môi trường trong sản xuất

a) Tăng cường phổ biến rộng rãi các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;

b) Để phát triển bền vững, các dự án đầu tư mới, nâng cấp công nghệ phải có định hướng và kiểm soát chặt chẽ về công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại và bố trí vào các khu công nghiệp tập trung để có phương án xử lý ô nhiễm về bụi, tiếng ồn và chất thải;

c) Thực hiện giám sát công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở khai thác khoáng sản, chế biến nguyên liệu, các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng theo đúng quy định; tiến tới áp dụng các phương pháp giám sát hiện đại, tự động, kết nối trực tuyến với cơ quan chức năng quản lý môi trường;

d) Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường và an toàn lao động của các cơ sở khai thác nguyên liệu và sản xuất vật liệu xây dựng. Xử lý nghiêm các cơ sở sản xuất không thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường;

đ) Các doanh nghiệp cần chú ý cải thiện không gian làm việc, thiết kế nhà xưởng đảm bảo thông thoáng, thông gió tự nhiên kết hợp với thông gió cưỡng bức, vệ sinh nhà xưởng, kho bãi thường xuyên để thu gom sản phẩm và nguyên liệu rơi vãi tạo môi trường làm việc tốt cho người lao động.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng

a) Công bố Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050 đã được phê duyệt. Trong quá trình triển khai thực hiện tham mưu, đề xuất điều chỉnh, bổ sung Chiến lược cho phù hợp với thực tế và các quy định của pháp luật có liên quan khi cần thiết;

b) Tăng cường quản lý chất lượng các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng trong sản xuất và đưa vào sử dụng trong các công trình xây dựng trên địa bàn thành phố theo quy định;

c) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về báo cáo định kỳ trong lĩnh vực quản lý;

d) Tham mưu UBND thành phố tổ chức liên kết với một số tỉnh lân cận, hoặc liên kết vùng để cung cấp các chủng loại vật liệu xây dựng mà thành phố còn thiếu như: cát xây dựng, vật liệu san lấp, đá xây dựng, vật liệu xây ...;

đ) Định kỳ điều chỉnh và công bố giá vật liệu xây dựng cho phù hợp với thị trường;

e) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình thẩm định để trình chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất vật liệu xây dựng thuộc đối tượng phải chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật;

g) Phối hợp với Ban Quản lý Khu Công nghệ cao và các Khu Công nghiệp Đà Nẵng trong quá trình thẩm định chấp thuận hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất vật liệu xây dựng thuộc địa bàn quản lý của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao và các Khu Công nghiệp Đà Nẵng theo quy định của pháp luật;

h) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị khác tuyên truyền ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất và khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng, hạn chế sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong khai thác khoáng sản; sử dụng công nghệ tiên tiến sản xuất vật liệu xây dựng, đặc biệt là nhóm vật liệu có giá trị cao; nghiên cứu sử dụng các loại phế thải công nghiệp, nông nghiệp, phế thải phá dỡ công trình, phế thải nạo vét công trình thủy lợi làm nguyên liệu, nhiên liệu thay thế;

i) Phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Chiến lược;

k) Theo dõi, thống kê, tổng hợp tình hình hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng tại địa phương, định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố cấp phép hoạt động khoáng sản (thăm dò, khai thác) đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, khoáng sản được khoan định ở khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ, lẻ... theo quy định đảm bảo nguồn cung cho sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu san lấp và theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, phù hợp với Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng đã được phê duyệt;

b) Kiểm soát chặt chẽ công tác hoạt động khoáng sản và công tác cải tạo, phục hồi môi trường khu vực mỏ đã kết thúc khai thác theo quy định. Chủ trì kiểm tra, nghiệm thu công tác phục hồi môi trường và bàn giao cho địa phương quản lý theo quy định;

c) Phối hợp, cung cấp, trao đổi thông tin với Sở Xây dựng khi cấp phép mới, gia hạn, thu hồi, chuyển nhượng các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng, vật liệu san lấp...;

d) Đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố đầu tư mới hoặc nâng cấp hệ thống trung tâm kết nối, quản lý, giám sát môi trường tự động từ các doanh nghiệp;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, lĩnh vực quản lý ngành được phân cấp và xử lý vi phạm theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở, ngành liên quan thực hiện thủ tục đầu tư các Dự án đầu tư, sản xuất vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050; Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021- 2023, định hướng đến năm 2050;

b) Phối hợp, cung cấp thông tin các dự án đầu tư, sản xuất vật liệu xây dựng; cung cấp thông tin cấp mới, điều chỉnh, giải thể, tạm dừng hoạt động các doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố theo đề nghị của Sở Xây dựng.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Hướng dẫn chuyên gia công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, các loại công nghệ mới về sản xuất vật liệu xây dựng, phổ biến rộng rãi đến chủ đầu tư, doanh nghiệp và người sử dụng vật liệu xây dựng;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đề xuất, đặt hàng, quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về sản xuất vật liệu xây dựng, trong đó ưu tiên các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, sản xuất, tái chế, tận dụng các loại chất thải, phế thải trong sản xuất vật liệu xây dựng, tiết kiệm tài nguyên, nhiên liệu, năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ môi trường;

c) Phối hợp, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan tham gia ý kiến về công nghệ theo phân cấp, theo thẩm quyền, đúng quy định;

d) Triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp theo quy định.

5. Ban Quản lý Khu Công nghệ cao và các Khu Công nghiệp Đà Nẵng

a) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn pháp luật và cung cấp thông tin về lĩnh vực vật liệu xây dựng hoạt động trong các khu công nghiệp;

b) Chỉ chấp thuận cho đầu tư đối với các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng sử dụng dây chuyền công nghệ tiên tiến, hiện đại, cơ giới hóa, tự động hóa;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện quy định pháp luật về hoạt động sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, các dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất vật liệu xây dựng thuộc địa bàn quản lý;

d) Chủ trì, phối hợp với các sở ngành có liên quan, chấp thuận hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất vật liệu xây dựng thuộc địa bàn quản lý của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao và các Khu Công nghiệp Đà Nẵng theo quy định, phù hợp với Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt;

đ) Thực hiện cung cấp thông tin về hoạt động đăng ký doanh nghiệp, đầu tư lĩnh vực vật liệu xây dựng trong các khu công nghiệp gửi về Sở Xây dựng định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu.

6. Các sở, ban, ngành khác

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Sở Xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng được phê duyệt.

7. Ủy ban nhân dân các quận, huyện

a) Đôn đốc việc chuyển đổi công nghệ và giám sát việc tháo dỡ tại các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng phải tháo dỡ theo quy định của pháp luật;

b) Chủ động phối hợp trong kiểm tra, xử lý triệt để các trường hợp khai thác khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng trái phép, các loại khoáng sản không có nguồn gốc hợp pháp. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội tại khu vực có khoáng sản theo quy định;

c) Có trách nhiệm quản lý hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn. Định kỳ 6 tháng hoặc đột xuất (theo yêu cầu), gửi báo cáo về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

8. Các doanh nghiệp và nhà đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng

a) Tuân thủ các quy định pháp luật về đầu tư xây dựng, tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan;

b) Thường xuyên nâng cao năng lực cạnh tranh; nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, tiết kiệm năng lượng, sử dụng tối đa chất thải công nghiệp, chất thải đô thị, chất thải xây dựng, chất thải ngành giao thông và chất thải nông nghiệp trong sản xuất vật liệu xây dựng để phát triển hiệu quả, bền vững, thân thiện môi trường;

c) Lựa chọn các sản phẩm sản xuất phù hợp với nhu cầu thị trường và nền kinh tế; đổi mới công nghệ, sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, tiêu hao năng lượng thấp, bảo vệ môi trường để tạo ra sản phẩm có năng suất, chất lượng, giá thành thấp tạo sức cạnh tranh;

d) Tăng cường công tác an toàn lao động, bảo vệ môi trường trong sản xuất. Đầu tư hệ thống thiết bị xử lý chất thải, hệ thống giám sát, quan trắc môi trường tự động kết nối với cơ quan quản lý nhà nước theo quy định;



đ) Định kỳ 6 tháng, hằng năm hoặc đột xuất (theo yêu cầu) báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị về Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện để thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại địa phương.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Các ông (bà): Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các sở, ban ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ quyết định thi hành. *BK*

Nơi nhận:

- Như Điều 5 Quyết định;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Công TTĐT thành phố; Công báo thành phố;
- Lưu: VT, ĐTĐT.

ASU

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
 KT. CHỦ TỊCH
 PHÓ CHỦ TỊCH

 Lê Quang Nam

Phụ lục 1 XI MĂNG

(Kèm theo Quyết định số 1790/QĐ-UBND 20.1.8./2024 của UBND thành phố)

1. Thời kỳ 2021 – 2030

a) Về đầu tư

- Không khuyến khích đầu tư mới, đầu tư mở rộng các dây chuyền sản xuất xi măng; duy trì hoạt động ổn định các trạm nghiền xi măng hiện có trên địa bàn, đảm bảo sản lượng đạt 1,55 triệu tấn xi măng/năm;

- Tất cả các trạm nghiền xi măng phải đầu tư cải tiến công nghệ để đảm bảo các chỉ tiêu công nghệ và môi trường theo quy định; đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin vào sản xuất để đạt được các chỉ tiêu kỹ thuật;

- Nghiên cứu sử dụng tro, xỉ của các nhà máy đốt rác để sản xuất xi măng.

b) Về công nghệ

- Các sản phẩm xi măng phải đảm bảo quy định theo tiêu chuẩn hiện hành;

- Tỷ lệ sử dụng clanhke trong sản xuất xi măng trung bình đạt mức 65%.

c) Về khai thác và sử dụng tài nguyên

Khai thác sử dụng tiết kiệm khoáng sản, sử dụng tối đa các chất thải, phế thải của các ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng làm phụ gia cho xi măng.

d) Về bảo vệ môi trường

100% các cơ sở sản xuất đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Nồng độ bụi phát thải đối với các dây chuyền đã đầu tư $\leq 30 \text{ mg/Nm}^3$;

- Nồng độ bụi phát thải đối với dây chuyền đầu tư mới $\leq 20 \text{ mg/Nm}^3$.

đ) Về sản phẩm

Nâng cao chất lượng sản phẩm xi măng; sản xuất các loại xi măng chất lượng cao, có giá trị kinh tế cao, đáp ứng nhu cầu xây dựng trên địa bàn thành phố; chú trọng phát triển sản xuất xi măng mác cao, xi măng bền sun phát cung cấp cho công trình ven biển, xi măng giếng khoan dầu khí, xi măng bền trong môi trường xâm thực.

2. Định hướng đến năm 2050

- Đầu tư chiều sâu, ứng dụng công nghệ cao trong quản lý sản xuất, kinh doanh;

- Tỷ lệ sử dụng clanhke trong sản xuất xi măng trung bình đạt mức 60%.



Phụ lục 2 GẠCH ĐẤT SÉT NUNG

(Kèm theo Quyết định số 1790 /QĐ-UBND 20/2024 của UBND thành phố)

1. Thời kỳ 2021 – 2030

a. Về đầu tư

- Duy trì sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm của các cơ sở sản xuất gắn với nguồn nguyên liệu hợp pháp;

- Khuyến khích các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung chuyển đổi sang công nghệ tiên tiến hiện đại, giảm thiểu ô nhiễm môi trường trên cơ sở có đủ điều kiện mặt bằng sản xuất và gắn với nguồn nguyên liệu hợp pháp.

b. Về công nghệ

- Tăng cường áp dụng khoa học, kỹ thuật, cải tiến công nghệ, cơ giới hóa để nâng cao chất lượng sản phẩm. Có trên 40% doanh nghiệp ứng dụng tự động hóa trong dây chuyền sản xuất;

- 100% các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung xây dựng cam kết cải tiến tối thiểu 30% các công đoạn sản xuất của công nghệ hiện tại nhằm giảm tiêu hao nguyên liệu, nhiên liệu, tiết kiệm tài nguyên;

- Các chỉ tiêu tiêu hao nhiên liệu phải đáp ứng:

+ Tiêu hao nhiệt năng ≤ 360 kcal/kg sản phẩm;

+ Tiêu hao điện năng $\leq 0,022$ kWh/kg sản phẩm

- Tiết kiệm tối đa sử dụng tài nguyên thiên nhiên. 100% các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung phải sử dụng phế thải công nghiệp, nông nghiệp thay thế nguyên, nhiên liệu tự nhiên trong sản xuất.

c. Về khai thác và sử dụng tài nguyên

Không sử dụng đất nông nghiệp đang sản xuất, chỉ sử dụng đất sét mỏ, đất đồi làm nguyên liệu sản xuất gạch đất sét nung; đẩy mạnh nghiên cứu và sử dụng các chất thải (tro xỉ nhà máy đốt rác, đất thải khai thác khoáng sản, chất thải nông nghiệp,...) làm nguyên liệu, nhiên liệu thay thế nguồn nguyên nhiên liệu truyền thống.

d. Về bảo vệ môi trường

Các cơ sở sản xuất có hệ thống xử lý chất thải, khí thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường; các cơ sở sản xuất phải thực hiện giám sát môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

đ. Về sản phẩm

Tăng cường sản xuất các sản phẩm gạch đất sét nung rỗng, mỏng, nhẹ, gạch trang trí, gạch không tráng...

2. Định hướng đến năm 2050

- Không khuyến khích đầu tư các dây chuyền sản xuất gạch đất sét nung trên địa bàn thành phố.

- Sử dụng tối đa nguyên liệu thay thế trong sản xuất gạch đất sét nung là đất đồi, đất thải khai thác khoáng sản và các nguyên liệu thay thế khác.

- Giảm mức tiêu hao nhiệt, mức phát thải CO₂ từ 20% đến 30% so với mức trung bình hiện nay.

Phụ lục 3 VẬT LIỆU XÂY KHÔNG NUNG

(Kèm theo Quyết định số 1790 /QĐ-UBND 20/2024 của UBND thành phố)

1. Thời kỳ 2021 – 2030

a. Về đầu tư

- Phát triển đầu tư sản xuất vật liệu xây không nung (VLXKN), sản lượng sản xuất VLXKN chiếm tỷ trọng so với tổng lượng gạch xây khoảng 35 - 40% vào năm 2025; 40% - 45% vào năm 2030; đảm bảo tỷ lệ sử dụng VLXKN trong các công trình xây dựng theo quy định;

- Kêu gọi đầu tư sản xuất các loại tấm bê tông nhẹ đúc sẵn, công suất mỗi dây chuyền đầu tư mới không nhỏ hơn 500.000 m²/năm, nhằm phục vụ cho nhu cầu xây dựng của thành phố;

- Các cơ sở đầu tư mới phải nằm trong các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố nhằm hình thành mạng lưới cung ứng hợp lý cho nhu cầu tiêu thụ trên địa bàn thành phố và hạn chế ô nhiễm môi trường;

- Ưu tiên các cơ sở sản xuất chuỗi các sản phẩm đá xây dựng, cát nghiền, và vật liệu xây không nung;

- Khuyến khích các dây chuyền hiện có đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ; nghiên cứu ứng dụng phế thải phá dỡ công trình xây dựng (xà bần) làm nguyên liệu cho sản xuất VLXKN.

b. Về công nghệ

- Sử dụng công nghệ tiên tiến, dây chuyền thiết bị hiện đại nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và đảm bảo môi trường;

- Phần đầu hơn 50% nhà máy ứng dụng tự động hóa trong dây chuyền sản xuất.

c. Về khai thác và sử dụng tài nguyên

- Sử dụng tối đa các loại chất thải của các ngành công nghiệp, phế thải phá dỡ công trình xây dựng (xà bần) làm nguyên liệu để sản xuất VLXKN nhằm tiết kiệm tài nguyên khoáng sản.

d. Về bảo vệ môi trường

Các cơ sở sản xuất có hệ thống xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

đ. Về chủng loại và chất lượng sản phẩm

Đa dạng hóa các sản phẩm gạch không nung rỗng, kích thước lớn, cấu kiện, tấm tường; vật liệu không nung nhẹ, tính năng cao, phù hợp với nguyên vật liệu, nhu cầu thị trường nhằm giảm thời gian thi công, hạ giá thành xây dựng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong quá trình xây dựng.

2. Định hướng đến năm 2050

- Tỷ lệ sử dụng VLXKN chiếm tối thiểu 50% đến 60% trong tổng nhu cầu vật liệu xây.

- Sử dụng tối đa các chất thải công nghiệp, giao thông, xây dựng để sản xuất VLXKN.

- Các cơ sở sản xuất vật liệu xây không nung được cơ giới hóa tự động hóa tối đa, điều khiển vận hành từ xa, kết nối internet.

Phụ lục 4 GẠCH GÓM ỐP LÁT

(Kèm theo Quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 của UBND thành phố)

1. Giai đoạn 2021 – 2030

a) Về đầu tư

- Duy trì công suất thiết kế sản xuất gạch gốm ốp lát trên địa bàn thành phố; đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, đa dạng hóa mẫu mã, nâng cao sản lượng, chất lượng sản phẩm, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, đáp ứng đầy đủ các chỉ tiêu về công nghệ và môi trường;

- Không khuyến khích đầu tư các dây chuyền sản xuất gạch gốm ốp lát mới;

- Từng bước giảm dần, tiến tới thay thế hoàn toàn nhiên liệu sản xuất từ khí hóa than sang các loại nhiên liệu sạch, thân thiện với môi trường như: LPG, CNG.

b) Về công nghệ sản xuất:

- Sản xuất gạch gốm ốp lát với công nghệ tiên tiến, hiện đại, nhằm giảm mức tiêu hao nguyên, nhiên liệu và năng lượng, áp dụng các giải pháp sử dụng công nghệ thông tin vào quản lý và sản xuất;

- Các chỉ tiêu tiêu hao nằm trong định mức sau:

Tiêu hao nhiệt năng cho 1 kg sản phẩm:

+ Gạch ceramic: ≤ 1.100 kcal/kg sản phẩm;

+ Gạch granit: ≤ 1.200 kcal/kg sản phẩm;

+ Gạch cotto: ≤ 1.400 kcal/kg sản phẩm;

Tiêu hao điện năng cho 1 kg sản phẩm:

+ Gạch ceramic: $\leq 0,12$ kWh/kg sản phẩm;

+ Gạch granit: $\leq 0,30$ kWh/kg sản phẩm;

+ Gạch cotto: $\leq 0,14$ kWh/kg sản phẩm;

- Chỉ tiêu phát thải bụi không lớn hơn 30 mg/Nm³; hàm lượng khí CO, SO₂, NO_x không lớn hơn 100 mg/Nm³.

c) Về khai thác và sử dụng tài nguyên

Khai thác tận thu và sử dụng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản; tăng cường sử dụng phế thải công nghiệp trong sản xuất gạch ốp lát (nhất là phế thải, phế phẩm trực tiếp từ nhà máy).

d) Về bảo vệ môi trường

- 100% các cơ sở sản xuất phải có hệ thống xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường;

- Các cơ sở sản xuất phải thực hiện giám sát môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

đ) Về sản phẩm

Đầu tư sản xuất các loại sản phẩm mỏng, sản phẩm kích thước lớn, sản phẩm chất lượng cao, đa dạng về chủng loại, mẫu mã; phát triển sản xuất vật liệu ốp lát có tính năng đặc biệt, khả năng chịu mài mòn cao, bền màu, chống bám bẩn, ngăn ngừa sự phát triển của rêu mốc, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

2. Định hướng đến năm 2050

- Đầu tư chiều sâu về công nghệ sản xuất, áp dụng triệt để công nghệ thông tin vào công tác quản lý, sản xuất và kinh doanh.

- Sử dụng nhiên liệu sạch trong sản xuất gạch ốp lát, không còn sử dụng khí hóa than làm nhiên liệu đốt.

Phụ lục 5**KÍNH XÂY DỰNG VÀ CÁC SẢN PHẨM KÍNH***(Kèm theo Quyết định số 1790/QĐ-UBND 20/1.8./2024 của UBND thành phố)***1. Giai đoạn 2021 – 2030****a) Về đầu tư:**

- Không khuyến khích đầu tư mới dây chuyền sản xuất kính xây dựng thông thường;

- Duy trì hoạt động các dây chuyền sản xuất sản phẩm kính hiện có, đáp ứng nhu cầu trên địa bàn thành phố và một phần cung cấp cho các tỉnh thành trên cả nước cũng như xuất khẩu;

- Khuyến khích đầu tư các dây chuyền sản xuất các sản phẩm kính chất lượng cao như: kính dán, kính cường lực, kính chống cháy... kính an toàn, kính hộp, kính nhiều lớp, kính tiết kiệm năng lượng, kính trang trí, kính bảo vệ sức khỏe, thân thiện môi trường.

b) Về công nghệ sản xuất

- Sử dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, thiết bị hiện đại có khả năng cơ giới hóa và tự động hóa cao, đối với nhà máy sản xuất kính nguyên liệu đầu tư mới cần đáp ứng các chỉ tiêu sau:

+ Tiêu hao nhiệt năng < 1.500 kcal/kg sản phẩm;

+ Tiêu hao điện năng < 100 kWh/tấn sản phẩm;

+ Phát thải bụi < 30 mg/Nm³.

- Sản xuất các sản phẩm kính với công nghệ tiên tiến, đa dạng hóa các chủng loại sản phẩm, giảm ô nhiễm môi trường, đáp ứng nhu cầu thị hiếu của người dùng.

c) Về bảo vệ môi trường

- Các dây chuyền sản xuất kính phẳng mới đầu tư phải có hệ thống xử lý chất thải theo quy định của pháp luật môi trường; có hệ thống quan trắc khí thải, bụi kết nối trực tuyến với cơ quan quản lý môi trường tại địa phương theo quy định của pháp luật;

- Các nhà máy gia công sản phẩm kính phải có hệ thống thu gom, phương án xử lý chất thải theo đúng quy định, bảo vệ môi trường.

d) Về sản phẩm

- Phát triển đa dạng các loại sản phẩm kính chất lượng cao, có giá trị kinh tế cao theo nhu cầu thị trường;

- Tập trung đầu tư, sản xuất các sản phẩm kính đang có nhu cầu cao trên địa bàn thành phố và các tỉnh thành lân cận, trong khu vực cũng như có lợi thế về thị trường như:



+ Kính xây dựng cường lực thông thường với các độ dày từ 4mm đến 25mm, kích thước lớn tới 3,5 x 7,5 m phục vụ cho xây dựng và làm đồ nội thất;

+ Kính an toàn (kính dán, kính tôi, kính nhiều lớp...), kính tiết kiệm năng lượng, kính chống cháy, kính trang trí....

2. Định hướng đến năm 2050

Tiếp tục đầu tư chiều sâu cho các cơ sở sản xuất kính hiện có, đầu tư mới một số sản phẩm chất lượng cao, giá trị kinh tế cao, đặc biệt sản phẩm kính phù hợp với kiến trúc xanh, tiết kiệm năng lượng.

Phụ lục 6 VẬT LIỆU LỢP

(Kèm theo Quyết định số 1790 /QĐ-UBND ngày 18/8/2024 của UBND thành phố)

1. Giai đoạn 2021 – 2030

a) Về đầu tư

- Tiếp tục đầu tư phát triển các loại ngôi nung, ngôi trang trí chất lượng cao có giá trị kinh tế, ngôi cổ phục vụ cho xây dựng trong dân cư và các công trình như biệt thự, khách sạn cao cấp, khu du lịch và trùng tu di tích lịch sử, văn hoá...;

- Phát triển sản xuất đa dạng các sản phẩm tấm lợp kim loại, tônmat, tấm lợp composite, tấm lợp polycarbonate, tấm lợp polycarbonate – hợp kim nhôm, tấm lợp từ sợi hữu cơ và bitum, tấm lợp acrylic có phủ các hạt đá tự nhiên...;

- Duy trì, phát triển các dây chuyền sản xuất gói màu không nung, đáp ứng nhu cầu trên địa bàn thành phố cũng như xuất khẩu;

- Các cơ sở đầu tư mới đầu tư xây dựng tại các Khu Công nghiệp hoặc cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố nhằm hình thành mạng lưới cung ứng hợp lý cho nhu cầu tiêu thụ trên địa bàn thành phố và hạn chế ô nhiễm môi trường.

b) Về công nghệ

- Sử dụng công nghệ tiên tiến với mức độ tự động hoá cao, tiết kiệm tối đa nguyên liệu, nhiên liệu và năng lượng, sử dụng chất thải làm nguyên, nhiên liệu thay thế nhằm tiết kiệm tài nguyên, giảm ô nhiễm môi trường;

- Khuyến khích ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất tấm lợp để an toàn với sức khoẻ con người, thân thiện môi trường, phù hợp với nhiều dạng thời tiết khí hậu và công trình xây dựng đặc thù.

c) Về bảo vệ môi trường

Các cơ sở sản xuất có hệ thống thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

d) Về sản phẩm

- Phát triển đa dạng hóa các chủng loại và mẫu mã sản phẩm, nhất là các sản phẩm vật liệu lợp thông minh, tiết kiệm năng lượng; vật liệu lợp sử dụng các loại sợi an toàn với sức khoẻ con người, thân thiện môi trường.

- Nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng tính cạnh tranh sản phẩm trên thị trường trong nước và nước ngoài.

2. Định hướng đến năm 2050

Công nghệ sản xuất hiện đại có mức độ cơ giới hoá và tự động hoá cao. Sản xuất các sản phẩm vật liệu lợp thông minh, tiết kiệm năng lượng; vật liệu lợp sử dụng các loại sợi an toàn với sức khoẻ con người, thân thiện môi trường, bền với biến đổi khí hậu.



Phụ lục 7

ĐÁ XÂY DỰNG

(Kèm theo Quyết định số 1790/QĐ-UBND 22/2024 của UBND thành phố)

1. Giai đoạn 2021 – 2030

a. Về đầu tư

- Tiếp tục cấp phép thăm dò, cấp phép khai thác và chế biến đá xây dựng tại các khu vực đá xây dựng được quy hoạch tại Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ; xem xét nâng công suất khai thác các mỏ hiện có để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trên địa bàn thành phố; xem xét cấp lại đối với các mỏ đá còn sản lượng (không đáp ứng điều kiện gia hạn giấy phép);

- Khuyến khích đầu tư ứng dụng nghiên cứu sử dụng phế thải phá dỡ công trình (xà bần) làm đá xây dựng phục vụ công trình xây dựng và san lấp;

- Khuyến khích các cơ sở khai thác, sản xuất đá làm vật liệu xây dựng thông thường phối hợp đầu tư hoặc liên kết với cơ sở sản xuất cát nghiền, gạch không nung nhằm tận dụng nguyên liệu, giảm ô nhiễm môi trường...;

- Không đầu tư các dự án khai thác, chế biến đá xây dựng ở chân sườn đồi, núi, dọc theo các tuyến đường quốc lộ, các khu vực có ảnh hưởng đến cảnh quan thiên nhiên, các di sản văn hoá, phát triển du lịch, an ninh, quốc phòng;

- Tổ chức lựa chọn cấp phép khai thác cho các mỏ đã hoàn thành thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản đá và hoàn thành các thủ tục có liên quan theo quy định.

b. Về công nghệ

- Sử dụng dây chuyền công nghệ sản xuất đá xây dựng hiện đại, tiên tiến, đồng bộ, mức độ cơ giới hóa, tự động hóa cao, giảm tiêu hao năng lượng, giảm thiểu phát thải bụi và tiếng ồn trong sản xuất;

- Nâng cấp, cải tiến thiết bị, công nghệ chế biến đá xây dựng đối với các cơ sở sản xuất có công nghệ lạc hậu theo hướng tiên tiến, hiện đại;

- Nâng cao tỷ lệ nội địa hóa trong chế tạo các thiết bị, phụ tùng thay thế trong dây chuyền công nghệ khai thác và chế biến đá xây dựng;

- Sử dụng phế thải phá dỡ công trình xây dựng để sản xuất đá xây dựng; tái sử dụng phế thải bóc mặt đường bê tông nhựa cũ để chế tạo bê tông nhựa.

c) Về khai thác và sử dụng tài nguyên

- Hoạt động khai thác, chế biến đá xây dựng theo các giấy phép được cấp và tuân thủ các quy định pháp luật;

- Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, nhiên liệu và năng lượng; sử dụng các loại phế thải công nghiệp, xây dựng (vật liệu phá dỡ công trình), giao thông trong quá trình sản xuất đá xây dựng.

d) Về bảo vệ môi trường

- Các cơ sở sản xuất phải có hệ thống thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường;
- Các cơ sở sản xuất đá xây dựng phải bố trí phương án giảm thiểu bụi phát sinh trong quá trình hoạt động, lắp đặt trạm xịt rửa (tự động/bán tự động) các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ra vào khu mỏ, khu vực sản xuất.

đ) Về sản phẩm

- Tăng cường sản xuất các sản phẩm đá xây dựng bảo đảm các yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành đối với từng mục đích sử dụng, phục vụ nhu cầu xây dựng;
- Tăng cường sử dụng, tận dụng, tái sử dụng phế thải công nghiệp, khai thác khoáng sản, xây dựng, giao thông làm cốt liệu, từng bước thay thế đá xây dựng tự nhiên;
- Đa dạng hóa sản phẩm đá xây dựng, kết hợp sản xuất cát nghiền, vật liệu xây không nung, bê tông thương phẩm, bê tông cấu kiện, vữa khô trộn sẵn tại các cơ sở sản xuất đá xây dựng, đảm bảo nguồn cung cho xây dựng, giảm thiểu việc vận chuyển vật liệu rời gây ô nhiễm môi trường.

2. Định hướng đến năm 2050

- Công nghệ sản xuất đá xây dựng phải hiện đại, tiên tiến, đồng bộ có mức độ cơ giới hoá cao và ứng dụng tối đa tự động hoá trong sản xuất;
- Tăng cường ứng dụng, phát triển công nghệ sản xuất cốt liệu nhẹ từ phế thải công nghiệp, sử dụng các thiết bị chuyên dụng xử lý phế phẩm khi cải tạo các công trình xây dựng, giao thông tạo ra sản phẩm thay thế đá xây dựng truyền thống;
- Các cơ sở khai thác, chế biến đá xây dựng phải có hệ thống quản lý sản lượng mỏ, quan trắc môi trường tự động.

Phụ lục 8 CÁT SỎI XÂY DỰNG

(Kèm theo Quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 của UBND thành phố)

1. Giai đoạn 2021 – 2030

a) Về đầu tư

- Khuyến khích đầu tư các cơ sở sản xuất cát nghiền để đáp ứng nhu cầu trên địa bàn thành phố;

- Khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất cát nghiền đầu tư sản xuất vữa khô đóng bao, vật liệu xây không nung, bê tông cấu kiện để tăng tốc độ thi công, giảm chi phí xây dựng, bảo vệ môi trường xung quanh công trình xây dựng;

- Khuyến khích đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ sử dụng sử khoáng sản trong các dự án nạo vét, khơi thông dòng chảy tại các sông, suối, nạo vét cảng biển... thực hiện theo các dự án được phê duyệt để làm cát xây dựng và san lấp.

b) Về công nghệ

- Đối với khai thác cát sỏi tự nhiên: sử dụng công nghệ khai thác tiên tiến kết hợp với tuyển rửa loại bỏ tạp chất để nâng cao chất lượng cát; phế thải sinh ra trong quá trình xử lý phải được thu gom, lưu chứa đúng kỹ thuật hoặc tái sử dụng;

- Đối với cát nghiền: sử dụng dây chuyền công nghệ tiên tiến, đồng bộ (bao gồm các thiết bị gia công, chế biến, sàng, tuyển, thiết bị vận chuyển và các thiết bị xử lý môi trường);

- Nghiên cứu sử dụng vật liệu nạo vét lòng sông, suối, cảng biển để làm cát xây dựng và san lấp;

- Nghiên cứu sử dụng phế thải phá dỡ công trình xây dựng (xà bần) để làm cát nghiền.

c) Về khai thác và sử dụng tài nguyên

- Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, nhiên liệu và năng lượng; sử dụng các loại phế thải công nghiệp, xây dựng để sản xuất cát xây dựng;

- Không sử dụng cát sông đạt tiêu chuẩn cát xây dựng làm vật liệu san lấp;

- Việc khai thác cát sỏi lòng sông cần chú trọng quản lý “Các yêu cầu về bảo vệ môi trường; bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong vùng”.

d) Về bảo vệ môi trường

Các cơ sở sản xuất cát xây dựng đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường; phải tiến hành cải tạo phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật trong khai thác, chế biến khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng.

đ) Về sản phẩm

Tăng cường phát triển các sản phẩm cát nhân tạo (cát nghiền) đáp ứng nhu cầu sử dụng; phát triển các sản phẩm cát mịn, cát nước lợ, cát biển để thay thế cát lòng sông cho xây dựng, san lấp.

2. Định hướng đến năm 2050

Hạn chế tối đa sử dụng cát sông tự nhiên trong xây dựng; nâng cao tỷ lệ sử dụng cát nghiền, cát nhiễm mặn đã qua xử lý lên tối thiểu 60% tổng lượng cát dùng trong xây dựng.

Phụ lục 9 BÊ TÔNG

(Kèm theo Quyết định số 1790 /QĐ-UBND 10/8/2024 của UBND thành phố)

1. Giai đoạn 2021 – 2030

a) Về đầu tư

- Duy trì hoạt động ổn định các nhà máy, trạm trộn bê tông hiện có đáp ứng nhu cầu bê tông trong thành phố;

- Khuyến khích đầu tư các nhà máy sản xuất bê tông thương phẩm và cấu kiện bê tông các loại (bê tông nhẹ; bê tông cường độ cao, bê tông cường độ siêu cao (UHPC), bê tông xuyên nước chống ngập úng, giảm tiếng ồn cho các công trình giao thông, thủy lợi, đô thị...) để phục vụ nhu cầu trong và ngoài thành phố.

b) Về công nghệ

- Hiện đại hóa công nghệ sản xuất, ưu tiên phát triển công nghệ theo hướng sản xuất bền vững, xanh, sạch, tiết kiệm nguyên liệu và năng lượng, kết hợp với nâng cao chất lượng và giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đa dạng hóa các chủng loại sản phẩm;

- Loại bỏ các dây chuyền sử dụng công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm môi trường và giảm thiểu tối đa các loại bê tông trộn thủ công.

- Áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, đa dạng hóa các chủng loại sản phẩm.

c) Về khai thác và sử dụng tài nguyên

Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, nhiên liệu và năng lượng; sử dụng các loại chất thải công nghiệp, xây dựng, giao thông, ... và các loại cốt liệu nhân tạo, tái chế, các loại xỉ măng hàm lượng clanhke thấp để sản xuất bê tông.

d) Về bảo vệ môi trường

Các cơ sở sản xuất phải có hệ thống thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

đ) Về sản phẩm

- Phát triển và áp dụng rộng rãi các loại bê tông cường độ cao; bê tông cường độ siêu cao (UHPC); bê tông đóng rắn nhanh cường độ cao, bê tông geopolymer, bê tông cốt sợi, bê tông tự lèn, các loại bê tông nhẹ, bê tông cách âm, cách nhiệt, bê tông chống cháy; các sản phẩm cấu kiện bê tông tiền chế, lắp ghép theo mô-đun, bản mỏng, tiết diện nhỏ, bê tông chịu nhiệt, bê tông dự ứng lực, bê tông nhựa chất lượng cao, bê tông thích ứng với biến đổi khí hậu; bê tông in 3D;

- Ứng dụng các loại phụ gia khoáng, phụ gia hóa học để tối ưu lượng xi măng sử dụng trong bê tông nhằm thích ứng với điều kiện khí hậu vùng và đạt độ bền lâu dài.

2. Định hướng đến năm 2050

- Nâng cao mức độ tự động hóa, hiện đại hóa, áp dụng tối đa công nghệ thông tin trong quản lý và sản xuất bê tông;

- Sử dụng các cốt liệu từ nguyên liệu tái chế, phế thải để thay thế đến 60% nguyên liệu thiên nhiên; phát triển các loại phụ gia khoáng và phụ gia hóa học để đưa vào làm thành phần bắt buộc trong sản xuất bê tông nhằm nâng cao chất lượng các sản phẩm bê tông;

- Phát triển các nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông tiền chế, phát triển các cấu kiện bê tông tiền chế, lắp ghép theo mô-đun và các trạm trộn bê tông thương phẩm, bê tông nhựa chất lượng cao, bê tông in 3D. Giảm tỷ lệ bê tông trộn thủ công xuống dưới 20% tổng sản lượng bê tông.

Phụ lục 10
VẬT LIỆU SAN LẤP

(Kèm theo Quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 của UBND thành phố)

1. Giai đoạn 2021 – 2030

- Cấp giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư công trình;
- Tiếp tục thăm dò, khai thác đất, đá, cát cửa sông và cát biển làm vật liệu san lấp để đáp ứng nhu cầu sử dụng trong thành phố; tổ chức lựa chọn cấp phép khai thác đất làm vật liệu san lấp cho các đơn vị đã thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản và hoàn thành các thủ tục có liên quan theo quy định;
- Nghiên cứu sử dụng và thi công các loại phế thải công nghiệp, chất thải xây dựng (vật liệu phá dỡ công trình ...), giao thông, chất thải nạo vét (nạo vét luồng lạch, sông, hồ, cảng biển, cảng thủy nội địa, các dự án cải tạo chống sạt lở) làm vật liệu san lấp; nghiên cứu thí điểm phối trộn cát biển, cát nhiễm mặn cùng với vật liệu xây dựng địa phương sẵn có, dùng thử trong san lấp mặt bằng nhằm nâng cao chất lượng vật liệu san lấp, chủ động về nguồn nguyên liệu;
- Ưu tiên khai thác, sử dụng các khu vực đất đồi, đất hoang hóa, đất bóc tầng phủ tại các khu vực mỏ đá xây dựng; bãi thải khai thác khoáng sản, chất thải công nghiệp, ... để làm vật liệu san lấp; sau khi kết thúc khai thác đảm bảo sử dụng thuận lợi cho các mục đích phát triển kinh tế địa phương;
- Khai thác vật liệu san lấp, đất đá thải mỏ phải tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường đặc biệt trong giai đoạn vận chuyển vật liệu đến mặt bằng san lấp và hoàn trả mặt bằng khi kết thúc khai thác, bảo đảm giữ gìn hạ tầng kỹ thuật, giao thông từ nơi khai thác đến nơi san lấp;
- Các cơ sở khai thác vật liệu san lấp phải bố trí phương án giảm thiểu bụi phát sinh trong quá trình hoạt động, lắp đặt trạm xịt rửa (tự động/bán tự động) các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ra vào khu mỏ theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố;
- Tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại các khu vực đất san lấp được quy hoạch tại Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

2. Định hướng đến năm 2050

Sử dụng tối đa vật liệu thải của các ngành công nghiệp, khai thác khoáng sản, vật liệu thải của ngành giao thông, xây dựng nhằm thay thế vật liệu san lấp truyền thống.



Phụ lục 11

MỘT SỐ CHỦNG LOẠI VẬT LIỆU XÂY DỰNG KHÁC

(Kèm theo Quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND thành phố)

1. Gạch terrazzo

a. Về đầu tư

- Tiếp tục đầu tư sản xuất gạch lát terrazzo tại các khu, cụm công nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng trên địa bàn thành phố và cung ứng cho các tỉnh thành lân cận;

- Ưu tiên các cơ sở sản xuất chuỗi các sản phẩm đá xây dựng, cát nghiền, vật liệu xây không nung và gạch terrazzo.

b. Về công nghệ

Đầu tư sản xuất bằng công nghệ hiện đại đảm bảo chất lượng sản phẩm, điều kiện lao động và giảm thiểu tác động gây ô nhiễm môi trường.

c. Về môi trường

Xây dựng hệ thống thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

2. Vữa khô trộn sẵn

a. Về đầu tư

- Khuyến khích đầu tư phát triển sản phẩm vữa khô trộn sẵn tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố hoặc tại trạm nghiền xi măng, với công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại, nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng trên địa bàn thành phố và cung ứng cho thị trường xây dựng trong nước;

- Công suất các nhà máy đầu tư mới không nhỏ hơn 200.000 tấn/năm.

b. Về công nghệ

Đầu tư sản xuất bằng công nghệ hiện đại, áp dụng công nghệ thông tin và sản xuất để nâng cao năng suất chất lượng của sản phẩm.

c. Về chủng loại và chất lượng sản phẩm

Sản xuất các loại vữa xây, trát, vữa dán gạch ... đáp ứng nhu cầu thị trường và các tiêu chuẩn hiện hành

d. Về môi trường:

Xây dựng hệ thống thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

3. Một số loại vật liệu trang trí hoàn thiện

- Phát triển sản xuất các loại vật liệu hợp kim nhôm phẳng hoặc cong, có trọng lượng nhẹ, độ cứng cao, mẫu mã đẹp, bền với môi trường, dùng để ốp trong và ngoài công trình. Đầu tư gia công sản xuất tấm trần bằng nhôm có màu sắc phong phú, đa dạng về mẫu mã, kiểu dáng, nhẹ và có độ bền cao, thuận tiện cho thi công;



- Phát triển sản xuất vật liệu nhựa: tấm nhựa lấy ánh sáng tự nhiên cho các công trình xây dựng hiện đại; cửa nhựa lõi thép chất lượng cao, đa dạng về kiểu dáng, màu sắc, có khả năng cách âm, cách nhiệt, không bị biến đổi hình dạng, không cong vênh, co ngót trong điều kiện thời tiết khí hậu khắc nghiệt;

- Phát triển sản xuất tấm thạch cao: tấm trần và tấm tường thạch cao đa dạng về chủng loại, có thể tạo nhiều kiểu hoa văn đẹp có tính mỹ thuật cao, có khả năng cách âm, cách nhiệt, chống ẩm và chống cháy;

- Phát triển các tấm bê tông in 3D, sản phẩm bê tông tính năng cao theo thiết kế phục vụ trang trí, hoàn thiện;

- Đầu tư sản xuất sàn epoxy giả đá, sàn bằng tấm hợp kim nhôm polyvinil clorua lát trực tiếp trên mặt xi măng; sàn có khả năng chịu tải, chống mài mòn cao, chống tĩnh điện, chống trượt, chống ồn, trọng lượng nhẹ;

- Đầu tư sản xuất các loại sàn nâng (sàn lắp ghép) phục vụ cho công trình văn phòng và nhà công nghiệp. Đây là loại sàn rất thuận lợi cho việc lắp đặt, sửa chữa thay thế hệ thống đường điện, đường nước, đường khí nóng trong các công trình xây dựng;

Ngoài các chủng loại sản phẩm vật liệu xây dựng đã nêu ở trên, một số chủng loại vật liệu xây dựng không thể thiếu trong xây dựng như: sứ vệ sinh; các loại phụ gia bê tông, phụ gia chống thấm, thảm trải sàn, vật liệu trang trí hoàn thiện... các sản phẩm vật liệu xây dựng này chưa được đầu tư sản xuất trên địa bàn thành phố. Khả năng cung ứng các sản phẩm này từ các tỉnh ngoài vào thành phố Đà Nẵng rất thuận tiện, dễ dàng. Theo đó, thành phố Đà Nẵng có thể sẽ xem xét khi có nhu cầu đầu tư các sản phẩm này.